TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước.**
2. Bà **Võ Tuyết Kha.**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2019/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019, về việc: ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn H.NH - sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Nguyễn V.L - sinh năm 1978. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn V.M - sinh năm 1937 và bà Lê Th.N - sinh năm 1946**.** Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn V.M và bà Lê Th.N là:* Anh **Nguyễn V.U** - sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị **Nguyễn Thị A.Ng -** sinh năm 1968. Anh **Trần V.L -** sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị **Duy Th.B -** sinh năm 1964 và anh **Đỗ V.M -** sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Văn M là: Chị Duy Th.B**.** Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ông **Nguyễn V.O**- sinh năm 1955. Bà **Lý Th.B** - sinh năm 1957. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh **Nguyễn V.Th** - sinh năm 1987. Chị **Nguyễn Th.O** - sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: chỉ: Ấp T, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn H.NH trình bày và yêu cầu:

- Về Hôn nhân: Chị Nh và anh L sống chung vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài khoảng 4 năm nay không thể nào hàn gắn được, nên tính đến ngày 14/3/2019 thì vợ chồng chị đã ly thân khoảng 4 tháng. Hiện tại chị Nh không còn tình cảm với anh L, nên cương quyết xin ly hôn anh L.

- Về con: Chị Nh và anh L có một người con chung tên là Nguyễn Hoàng.V - sinh ngày 27 tháng 4 năm 2009, cháu V vẫn phát triển khỏe mạnh B thường và hiện nay đang sống chung với anh L. Chị Nh yêu cầu giao con chung là Nguyễn Hoàng.V - sinh ngày 27 tháng 4 năm 2009 cho anh L tiếp tục nuôi, chị Nh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị Nh xác định chị và anh L không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị Nh xác định chị và anh L có nợ cha mẹ ruột của chị Nh là ông M và bà N số tiền 40.000.000đ, nợ chị B và anh M 15 chỉ vàng 24k và 5.000.000đ, nợ chị Nguyễn Thị A.Ng và Trần V.L 4,5 chỉ vàng 24k. Chị Nh yêu cầu anh L cùng chị Nh có nghĩa vụ trả nợ chung đối các khoảng nợ nêu trên. Chị Nh xác định chị và anh L không có nợ ông O và bà B 17 chỉ vàng 24k và 30.000.000đ, trả nợ anh Th và chị O 03 chỉ vàng 24k và 7.000.000đ Nh anh L xác định.

Ngày 06/5/2019 chị Nh rU yêu cầu đối với phần nợ chung của ông M, bà N, chị B và anh M, chị Ng và anh L.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L không đồng ý ly hôn chị Nh.

- Về con chung và tài sản: Anh L không có trình bày ý kiến về con chung và về tài sản chung.

- Về nợ: Anh L yêu cầu chị Nh cùng anh L trả cac khoản nợ chung Nh: Trả nợ ông O và bà B 17 chỉ vàng 24k và 30.000.000đ, trả nợ anh Th và chị O 03 chỉ vàng 24k và 7.000.000đ.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày:

- Chị B và anh M xác định chị Nh và anh L có nợ chị B và anh M 15 chỉ vàng 24k và 5.000.000đ. Chị B và anh M đồng ý việc chị Nh rU yêu cầu đối với 15 chỉ vàng 24k và 5.000.000đ.

- Chị Ng và anh L xác định chị Nh và anh L có nợ vợ chồng anh, chị 4,5 chỉ vàng 24k. Chị Ng và anh L đồng ý việc chị Nh rU yêu cầu đối với 4,5 chỉ vàng 24k.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông M và bà N là anh Nguyễn V.U trình bày: Chị Nh và anh L có nợ ông M và bà N 40.000.000đ. Ông M và bà N đồng ý việc chị Nh rU yêu cầu chia nợ với anh L đối với số tiền 40.000.000đ.

- Ông O và bà B xác định chị Nh và anh L có nợ ông, bà 17 chỉ vàng 24k và 30.000.000đ, nhưng ông bà đồng ý cho chị Nh và anh L số tiền, vàng này, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền, vàng này.

- Anh Th và chị O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại Tòa án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với khoản nợ anh L đặt ra là 03 chỉ vàng 24k và 7.000.000đ.

**** Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác với ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; Riêng anh L, ông O, bà B, chị O và anh Th chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn H.NH được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

+ Về con: Giao cháu Nguyễn Hoàng.V - sinh ngày 27 tháng 4 năm 2009 cho anh L trực tiếp nuôi. Chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Chị Nh rU yêu cầu chia nợ chung đối với các khoản nợ: Nợ ông M và bà N số tiền 40.000.000đ, nợ chị B và anh M 15 chỉ vàng 24k và 5.000.000đ, nợ chị Ng

và L 4,5 chỉ vàng 24k; Đồng thời, ông M và bà N, chị B và anh M, chị Ng và anh L cũng đồng ý việc chị Nh rU yêu cầu chia nợ chung, nên đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của chị Nh đối với nợ ông M và bà N số tiền 40.000.000đ, nợ chị B và anh M 15 chỉ vàng 24k và 5.000.000đ, nợ chị Ng và L 4,5 chỉ vàng 24k.

+ Ông O và bà B không có yêu cầu đối với số tiền 30.000.000đ và 17 chỉ vàng 24k, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Chị O và anh Th không có yêu cầu đối với 03 chỉ vàng 24k và 7.000.000đ, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Chị Nh và anh L tự nguyện sống chung Nh vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Nh yêu cầu ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh.

- Chị Nh tự nguyện giao con chung tên là Nguyễn Hoàng.V - sinh ngày 27 tháng 4 năm 2009 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng.

- Chị Nh rU yêu cầu chia nợ với anh L đối với các khoản nợ Nh: Nợ ông M và bà N số tiền 40.000.000đ; nợ vợ chồng chị B, anh M 15 chỉ vàng 24k và 5.000.000đ; nợ vợ chồng chị Ng, anh L 4,5 chỉ vàng 24k; Ông O, bà N, chị Ng, anh L, chị B và anh M cũng đồng ý việc chị Nh rU yêu cầu chia nợ chung.

- Ông O và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 30.000.000đ và 17 chỉ vàng 24k.

- Anh Th và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 7.000.000đ và 03 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn H.NH yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị Nh, anh U, chị Ng, anh L, chị B, có đề nghị xét xử vắng mặt; Anh L, ông O, bà B, anh Th và chị O đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh L: Chị Nh và anh L tự nguyện sống chung Nh vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, chị Nh đã không còn tình cảm với anh L, nên chị Nh cương quyết muốn ly hôn anh L. Mặc dù anh L không đồng ý ly hôn chị Nh, nhưng hôn nhân phải được xây dựng bằng tình cảm của cả vợ và chồng, anh L không đồng ý ly hôn Nhng lại không đưa ra được phương án hàn gắn hôn nhân để chị Nh đồng ý, đến thời điểm này chị Nh vẫn cương quyết xin ly hôn anh L. Từ đó cho thấy đời sống của chị Nh và anh L có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân đang trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014 cho chị Nguyễn H.NH được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[4] Xét về con chung:

[4.1] Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị Nh và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng.V - sinh ngày 27 tháng 4 năm 2009, cháu V vẫn phát triển khỏe mạnh B thường và hiện nay đang sống chung với anh L, chị Nh và anh L không tranh chấp nuôi con chung. Do cháu V có cuộc sống chung ổn định với anh L và chị Nh cũng tự nguyện giao cháu V cho anh L nuôi, nên Hội đồng xét xử giao cháu V cho anh L tiếp tục nuôi, chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được quyền cản trở.

[4.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Nh xác định chị và anh L không có tài sản chung, anh L không có yêu cầu và cũng không có ý kiến về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ:

[6.1] Chị Nh yêu cầu anh L cùng chị Nh trả các khoản nợ chung Nh: Nợ ông M và bà N số tiền 40.000.000đ; nợ vợ chồng chị B, anh M 15 chỉ vàng 24k và 5.000.000đ; nợ vợ chồng chị Ng, anh L 4,5 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, ngày 05 tháng 6 năm 2019 chị Nh có đơn rU yêu cầu về toàn bộ nợ chung; đồng thời ông M, bà N, chị Ng, anh L, chị B và anh M cũng đồng ý việc chị Nh rU yêu cầu chia nợ chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của chị Nh.

[6.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh L về việc yêu cầu chị Nh cùng anh trả nợ cho ông O, bà B 17 chỉ vàng 24k và 30.000.000đ, trả nợ cho vợ chồng anh Th, chị O 03 chỉ vàng 24k và 7.000.000đ; chị Nh không thừa nhận nợ Nh anh L khởi kiện. Mặt khác, anh L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh L và chị Nh có nợ chung Nh anh L khởi kiện, anh L cũng không nộp án phí đối với yêu cầu của anh, nên Tòa án đã trả đơn khởi kiện cho anh L theo quy định của pháp luật.

- Ông O và bà B xác định anh L và chị Nh có nợ vợ chồng ông, bà 17 chỉ vàng 24k và 30.000.000đ, nhưng ông O và bà B tự nguyện cho anh L, chị Nh số tiền - vàng này, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Anh Th và chị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nhng không có mặt tại Tòa án, cũng không có nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh, chị đối với khoản nợ mà anh L đặt ra. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm chị O và anh Th cũng không có nộp bất cứ văn bản gì thể hiện ý kiến đối với số tiền 7.000.000đ và 03 chỉ vàng 24k, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí trong vụ án: Buộc chị Nguyễn H.NH phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Nh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.432.000đ.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn H.NH đối với anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn H.NH được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về quyền trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của chị Nguyễn H.NH và anh Nguyễn Văn L là cháu Nguyễn Hoàng.V - sinh ngày 27 tháng 4 năm 2009 cho anh L trực tiếp nuôi. Chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nh và anh L không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung:

- Đình chỉ yêu cầu chia nợ của chị Nguyễn H.NH với anh Nguyễn Văn L đối với ông M và bà N số tiền 40.000.000đ; đối với chị B và anh M là 15 chỉ vàng 24k và 5.000.000đ; đối với chị Ng và anh L là 4,5 chỉ vàng 24k.

- Ông O và bà B không có yêu cầu đối với số tiền 30.000.000đ và 17 chỉ vàng 24k, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Chị O và anh Th không có yêu cầu đối với 03 chỉ vàng 24k và 7.000.000đ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn H.NH phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Nh đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013859 ngày 26 tháng 02 năm 2019 và

nộp số tiền 1.432.000đ theo biên lai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013961 ngày 19 tháng 3 năm 2019 chuyển thu án phí 300.000đ, chị Nh được nhận lại số tiền 1.432.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang